TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 131/2018/HNGĐ-ST
Ngày 21 - 6 - 2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Biện Thị Nhung
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Đặng Hữu Thọ
Bà Nguyễn Hải Âu

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 21 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 142/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2018, về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 180/2018/QĐXX- ST ngày 04 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Lương Du Đ, sinh năm 1993 (có mặt)
Địa chỉ: Ấp CK, xã QP, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.
- *Bị đơn:* Chị Phan Ngọc H, sinh năm 1991 (có mặt)
Địa chỉ: Ấp CK, xã QP, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.
Tạm trú: Ấp NO, xã QP, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 30/3/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Lương Du Đ trình bày:*

- *Về hôn nhân:* Anh Lương Du Đ và chị Phan Ngọc H tổ chức đám cưới vào ngày 19/9/2013 âm lịch, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã QP, huyện ĐD. Sau khi kết hôn anh chị sống bên gia đình anh Đ đến tháng 4/2014 cùng đi làm tại BD. Khoảng tháng 9/2016 anh chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Đ đi chơi, chị H không đồng ý nên vợ chồng xảy ra cự cải. Sau đó chị H bỏ nhà đi nên ly thân cho đến nay. Mâu thuẫn của anh chị đã được gia đình hai bên hòa giải, hàn gắn nhưng không được. Nay nhận thấy tình trạng trầm trọng, đời sống chung

không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh Đ yêu cầu được ly hôn với chị H.

- *Về tài sản chung:* Có 6 chỉ vàng 24k (cụ thể gồm có: 01 lắc tay trọng lượng 3 chỉ, 01 dây chuyền trọng lượng 3 chỉ) được cha mẹ ruột của anh Đ cho trong ngày cưới, 14 chỉ vàng 24k (gồm có vòng tay nữ trang trọng lượng 2 chỉ, còn lại là nhẫn) và 01 bộ vòng simen đeo tay trọng lượng 4 chỉ vàng 18k do anh chị cùng nhau đi làm mua được. Tất cả tài sản chung hiện nay do chị H đang quản lý. Khi ly hôn, anh Đ yêu cầu phân chia mỗi người được hưởng ½.

- *Về con chung, nợ người khác, người khác nợ lại:* Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn chị Phan Ngọc H trình bày:*

- *Về hôn nhân:* Chị H xác định về thời gian tổ chức đám cưới, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã QP, huyện ĐD, nguyên nhân và thời gian phát sinh mâu thuẫn như anh Đ trình bày là đúng. Ngoài ra trong thời gian chung sống anh Đ còn uống rượu, đánh chửi và đuổi chị đi. Chị và anh Đ sống ly thân nhau từ tháng 7/2016 cho đến nay. Nay anh Đ yêu cầu ly hôn, chị đồng ý.

- *Về tài sản chung:* Chị và anh Đ chỉ có 6 chỉ vàng 24k được cha mẹ anh Đ cho trong ngày cưới như anh Đ trình bày là đúng. Tuy nhiên, trong thời gian anh chị đi làm ở BD đã bán dùng để chi xài sinh hoạt trong gia đình, khi bán chị có thông qua ý kiến của anh Đ. Ngoài ra trong quá trình chung sống anh chị không có tạo lập 14 chỉ vàng 24k và 01 bộ vòng tay 4 chỉ vàng 18k như anh Đ trình bày vì tiền lương của anh chị hàng tháng chị đều gửi về phụ giúp cho gia đình anh Đ, trả góp tiền mua xe cho em của anh Đ và lo các khoản chi tiêu khác. Do hiện nay tài sản 06 chỉ vàng 24k đã bán đồng thời không có 14 chỉ vàng 24k và 4 chỉ vàng 18k nên chị không đồng ý phân chia theo yêu cầu của anh Đ.

- *Về con chung và nợ người khác, người khác nợ lại:* Chị H trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh Lương Du Đ và chị Phan Ngọc H kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại tại Ủy ban nhân dân xã QP, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau vào ngày 17/10/2013 đúng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp. Anh Đ yêu cầu ly hôn được chị H đồng ý. Do đó cho thấy mối quan hệ hôn nhân giữa anh chị không còn tồn tại, có tiếp tục duy trì cũng không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của anh Đ cho anh Đ được ly hôn chị H.

[2] Về tài sản chung: Anh Đ và chị H trình bày phù hợp với nhau về việc vào ngày thành hôn anh chị được tặng cho chung 06 chỉ vàng 24k. Tuy nhiên, anh Đ xác định 06 chỉ vàng 24k hiện nay do chị H quản lý, chị H xác định quá trình chung sống đã bán chi xài. Xét lời trình bày của các đương sự thấy rằng, tại khoản 1 Điều 33 của Luật hôn nhân và gia đình quy định về tài sản chung của vợ chồng *"Tài sản chung của*

vợ chồng gồm…tài sản mà vợ chồng được tặng cho chung…" và tại khoản 2 Điều 59 quy định về nguyên tắc giải quyết tài sản của vợ chồng khi ly hôn *"Tài sản chung của vợ chồng được chia đôi…"*. Từ các điều luật viện dẫn xác định 06 chỉ vàng 24k là tài sản chung của anh Đ và chị H nên phân chia cho anh Đ được hưởng 3 chỉ vàng 24k, chị H được hưởng 3 chỉ vàng 24k. Do chị H khi định đoạt 06 chỉ vàng 24k không có sự thỏa thuận của anh Đ (chị H đã bán nhưng không được anh Đ thừa nhận), chị H không có chứng cứ để chứng minh nên chị H có trách nhiệm trả lại cho anh Đ 03 chỉ vàng 24k là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với 14 chỉ vàng 24k và 4 chỉ vàng 18k anh Đ trình bày do tạo lập trong khi đi làm tại BD, chị Huyền xác định không có. Anh Đ không có chứng cứ chứng minh nên không chấp nhận yêu cầu của anh Đ về việc yêu cầu phân chia 14 chỉ vàng 24k và 4 chỉ vàng 18k.

[3] Về con chung, nợ người khác, người khác nợ lại: Anh Đ và chị H xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm anh Đ phải chịu theo quy định của pháp luật. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Đ và chị H phải chịu tương ứng với giá trị phần tài sản được chia. Anh Đ không phải chịu án phí đối với phần yêu cầu phân chia tài sản chung không được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 33, 35, 51, 53, 56, 57 và Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí tòa án;

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh Lương Du Đ, cho anh Lương Du Đ được ly hôn chị Phan Ngọc H.

2. Về tài sản chung: Có 06 (sáu) chỉ vàng 24k. Phân chia cho anh Lương Du Đ được hưởng 03 (ba) chỉ vàng 24k, chị Phan Ngọc H được hưởng 03 (ba) chỉ vàng 24k. Do chị H đã bán 06 chỉ vàng 24k nên chị H có trách nhiệm trả lại cho anh Lương Du Đ 03 (ba) chỉ vàng 24k.

Không chấp nhận yêu cầu của anh Lương Du Đ về việc yêu cầu phân chia tài sản chung 14 (mười bốn) chỉ vàng 24k và 04 (bốn) chỉ vàng 18k.

3. Về án phí:

- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị anh Lương Du Đ phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng), ngày 02 tháng 4 năm 2018 đã dự nộp 300.000 đồng tại biên lai số 0009692 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, được chuyển thu.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Lương Du Đ phải chịu 537.000 đồng (năm trăm ba mươi bảy nghìn đồng), ngày 02 tháng 4 năm 2018 đã dự nộp 1.000.000 đồng (một triệu đồng) tại biên lai số 0009693 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi đối

trừ anh Điền được nhận lại 463.000 đồng (bốn trăm sáu mươi ba nghìn đồng); chị Phan Ngọc H phải chịu 537.000 đồng (năm trăm ba mươi bảy nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- UBND xã QP;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Biện Thị Nhung